Chi tiết mã HS 3005.90.10

Mã HS	3005.90.10
Mô tả hàng hóa	Bông, gạc, băng và các sản phẩm tương tự (ví dụ, băng để băng bó, cao dán, thuốc đắp), đã thấm tẩm hoặc tráng phủ dược chất hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ dùng cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y / - Loại khác: / - - Băng (SEN)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 08:16:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30059010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	12	12%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4664
Thuế NK ưu đãi (MFN)	8	8%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4664
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4664
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,8	0,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,8	0,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4587
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4548
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4548
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4548
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4548
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4548
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4548
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4586
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4586

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4586
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4586
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4586
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4586
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4590
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4590
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4590
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4590
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4590
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4590
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4590
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4554
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4550
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4550
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4550
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4550
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4550
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4550
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4550
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4550
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4550
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4550
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4550
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4550
VCFTA	2022	2022	1	VC!D4597
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4597

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4597
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4597
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4597
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4597
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4594
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4594
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4594
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4594
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4594
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4594
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4602
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4602
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4602
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4602
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4602
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4602
EVFTA	2022	2022	4,3	EV-NK!D4573
EVFTA	2023	2023	3,5	EV-NK!E4573
EVFTA	2024	2024	2,6	EV-NK!F4573
EVFTA	2025	2025	1,7	EV-NK!G4573
EVFTA	2026	2026	0,8	EV-NK!H4573
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4573
UKVFTA	2022	2022	4,3	UKV!D4575
UKVFTA	2023	2023	3,5	UKV!E4575
UKVFTA	2024	2024	2,6	UKV!F4575
UKVFTA	2025	2025	1,7	UKV!G4575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,8	UKV!H4575
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4575
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4573
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4573
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4573
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4573
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4573
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4573
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4573
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4594
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4594
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4594
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4594
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4594
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4594
RCEP B	2022	2022	0	B!D4594
RCEP B	2023	2023	0	B!E4594
RCEP B	2024	2024	0	B!F4594
RCEP B	2025	2025	0	B!G4594
RCEP B	2026	2026	0	B!H4594
RCEP B	2027	2027	0	B!I4594
RCEP C	2022	2022	0	C!D4594
RCEP C	2023	2023	0	C!E4594
RCEP C	2024	2024	0	C!F4594
RCEP C	2025	2025	0	C!G4594
RCEP C	2026	2026	0	C!H4594

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4594
RCEP D	2022	2022	0	D!D4594
RCEP D	2023	2023	0	D!E4594
RCEP D	2024	2024	0	D!F4594
RCEP D	2025	2025	0	D!G4594
RCEP D	2026	2026	0	D!H4594
RCEP D	2027	2027	0	D!I4594
RCEP E	2022	2022	0	E!D4597
RCEP E	2023	2023	0	E!E4597
RCEP E	2024	2024	0	E!F4597
RCEP E	2025	2025	0	E!G4597
RCEP E	2026	2026	0	E!H4597
RCEP E	2027	2027	0	E!I4597
RCEP F	2022	2022	0	F!D4594
RCEP F	2023	2023	0	F!E4594
RCEP F	2024	2024	0	F!F4594
RCEP F	2025	2025	0	F!G4594
RCEP F	2026	2026	0	F!H4594
RCEP F	2027	2027	0	F!I4594
VIFTA	2024	2024	7.2	VI!F4235
VIFTA	2025	2025	6.4	VI!G4235
VIFTA	2026	2026	5.6	VI!H4235
VIFTA	2027	2027	4.8	VI!I4235

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3005.90 có 3 dòng thuế; dòng 3005.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Băng (SEN).	3005.90.20 Gạc (SEN); 3005.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3005.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 8% của mã 3005.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4664), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.